

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 18-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Trường
Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh P, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Số 78, đường 18, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng M, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Hoàng M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào tháng 6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong lối sống và sinh hoạt hằng ngày, thường xuyên xảy ra cự cãi giận dỗi. Cha mẹ hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trịnh Thị Thanh Thúy sinh ngày 02/11/2020 hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Hoàng M trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Minh P là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/6/2020. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã nhiều lần cùng nhau tìm ra nguyên nhân để chấn chỉnh cách sống, mong có được gia đình hạnh phúc nhưng không đạt kết quả. Hiện tại ông bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng kết quả không thành. Ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thị Thanh Thúy đang sống chung với bà P. Ông đồng ý giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Minh P và ông Trịnh Hoàng M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Minh P và ông Trịnh Hoàng M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà P yêu cầu được ly hôn với ông M do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông M cũng xác định giữa ông và bà P không còn quan tâm, chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông M đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng bà P, ông M có 01 người con chung tên Trịnh Thị Thanh Thúy (nữ) sinh ngày 02/11/2020 hiện do bà P nuôi dưỡng. Xét thấy con

chung dưới 36 tháng tuổi, các đương sự thống nhất thỏa thuận việc bà P tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định giao con chung cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Minh P xin ly hôn với ông Trịnh Hoàng M.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Thanh Thúy (nữ) sinh ngày 02/11/2020 cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Trần Thị Minh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010386 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý